TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 397/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 377/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965

Số định danh cá nhân: 022065000141

Nơi cư trú: tổ G, khu phố H, phường H, thành phố Quảng Ninh

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1976

Số định danh cá nhân: 022176004646

Nơi cư trú: tổ G, khu phố H, phường H, thành phố Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 28/12/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có con chung, thiếu sự gắn kết, dẫn đến bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Ông T và bà M đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2026 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M thỏa thuận ông Nguyễn Văn T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000418 ngày 03/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ninh. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS thành phố Quảng Ninh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nay là UBND phường H, thành phố Quảng Ninh;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hải Ninh